

Số: 1989/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy bỏ thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án đã được cho phép tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh về thông qua danh mục hủy bỏ thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 559/TTr-STNMT ngày 07/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ việc thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án đã được cho phép tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh với những nội dung sau:

1. Hủy bỏ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 36 công trình dự án được HĐND tỉnh quyết nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể:

1.1. Hủy bỏ việc thu hồi đất đối với 26 dự án, tổng diện tích 164.256 m² trong danh mục kèm theo: Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 (07 dự án); Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 08/07/2015 (10 dự án); Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 (09 dự án).

1.2. Hủy bỏ việc chuyển mục đích đối với 10 dự án, tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 112.300 m² trong danh mục kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 (04 dự án); Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 (05 dự án); Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 (01 dự án).

(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo)

2. Hủy bỏ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 49 công trình dự án được HĐND tỉnh quyết nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất chưa quá 03 năm, nhưng do chủ đầu tư không cân đối được nguồn vốn để thực hiện, cụ thể:

2.1. Hủy bỏ việc thu hồi đất đối với 30 dự án, tổng diện tích 344.449 m² trong danh mục kèm theo: Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 (18 dự án); Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 (12 dự án);

2.2. Hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với 19 dự án, diện tích chuyển mục đích 519.022 m² trong danh mục kèm theo Nghị quyết: Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 (09 dự án); Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 (02 dự án); Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 (08 dự án).

(Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo)

Lý do hủy bỏ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật đất đai năm 2013, Khoản 1 Điều 6 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và danh mục hủy bỏ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND các huyện, thành phố:

- Tổ chức công khai danh mục các công trình, dự án đã hủy bỏ tại Trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi có công trình, dự án hủy bỏ tại Điều 1 Quyết định này.

- Thông báo cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc khu vực các dự án đã được hủy bỏ tại Điều 1 Quyết định này được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được giao đất, cho thuê đất.

- Báo cáo kết quả thực hiện việc công bố, công khai danh sách các công trình, dự án hủy bỏ việc thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15/9/2019.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

Đôn đốc, theo dõi UBND các huyện, thành phố trong việc tổ chức thực hiện các nội dung tại Quyết định này; Tổng hợp, báo cáo việc hủy bỏ danh mục công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh quyết nghị theo quy định khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 6 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

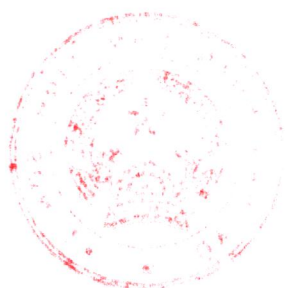
Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy tỉnh (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh
- Như Điều 3;
- Các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các phòng: KT, TH - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN DÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh



Biểu số 01

DANH MỤC HUY BỎ VIỆC THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT, THU HỒI ĐẤT CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH SAU 03 NĂM CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

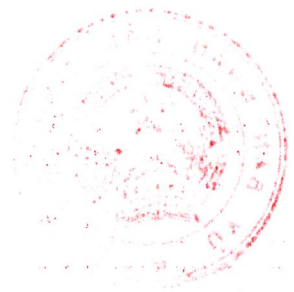
(Kèm theo Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh)



STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (m ²)	Trong đó				Ghi chú
				Đất rừng phòng hộ	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa còn lại	Đất khác còn lại	
A	DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT	26	164.256	1.500	21.000	-	141.756	
I	NGHỊ QUYẾT SỐ 112/NQ-HĐND NGÀY 04/12/2014	7	24.000	1.500	10.500	-	12.000	
	HUYỆN MƯỜNG LA							
1	Khu nghĩa địa tập trung (TK II)	Xã Mường Bú	8.000				8.000	
2	Quy hoạch chi tiết công viên cây xanh hồ trung tâm gắn với di tích lịch sử danh lam thắng cảnh Đồn Pom Pát, thị trấn Ít Ong	TT Ít Ong	10.000		10.000			
	HUYỆN YÊN CHÂU							
3	Nhà văn hóa bản Mỏ Than	Xã Lóng Phiêng	500				500	
4	Nhà văn hóa bản Cổ Nông	Xã Tú Nang	500				500	
5	Nhà văn hóa bản Kéo Đồn	Xã Chiềng On	1.500	1.500				
6	Nghĩa địa (Khu Pom Hiên, bản Mai Ngập)	Xã Chiềng Sàng	3.000				3.000	
7	Nhà văn hoá bản Nóng Khéo	Xã Sập Vạt	500		500			
II	NGHỊ QUYẾT SỐ 125/NQ-HĐND NGÀY 08/7/2015	10	114.200	-	10.000	-	104.200	
	HUYỆN THUẬN CHÂU							
1	Công trình Nhà văn hóa bản Nà Tong	Xã Chiềng Ly	500				500	
2	Công trình Nhà văn hóa bản Co A	Xã Tông Cọ	500				500	
3	Công trình Nhà văn hóa bản Co Ké	Xã Chiềng Pắc	400				400	
4	Công trình Hồ chứa nước bản Nà Ngùa, xã Phồng Lái	Xã Phồng Lái	30.000				30.000	
5	Xây dựng bãi rác thải thí điểm tại xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	10.000				10.000	
6	Xây dựng bãi rác thải thí điểm tại xã Phồng Lái	Xã Phồng Lái	15.000				15.000	
	HUYỆN MAI SON							
7	Nước sinh hoạt bản Bơ	xã Tà Hộc	12.000				12.000	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
8	Khu vui chơi xã Mường Cơi	xã Mường Cơi	800				800	
9	Khu vui chơi, giải trí xã Huy Thượng	xã Huy Thượng	35.500		500		35.000	
10	Chợ xã Tường Phù	xã Tường Phù	9.500		9.500			

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (m2)	Trong đó				Ghi chú
				Đất rừng phòng hộ	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa còn lại	Đất khác còn lại	
III	NGHỊ QUYẾT SỐ 138/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2015	9	26.056	-	500	-	25.556	
	HUYỆN THUẬN CHÂU							
1	Điện sinh hoạt bản Nong Ten	Xã Nậm Lầu	500				500	
2	Nâng cấp điện SH bản Nong Lay	Xã Nong Lay	300				300	
	HUYỆN YÊN CHÂU							
3	Trụ sở Trạm Bảo vệ thực vật huyện		806				806	
	HUYỆN MỘC CHÂU							
4	Đập Cọ Lắm, bản Vật, xã Mường Sang	Xã Mường Sang	8.000				8.000	
5	Nhà lớp học bản Nà Tén, thuộc trường tiểu học Chiềng Sơn	xã Chiềng Sơn	150				150	
6	Sân vận động tiểu khu 13	TT Mộc Châu	10.000				10.000	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
7	Mở rộng đường từ bản Chằm đến trường mầm non trung tâm xã Huy Thượng	xã Huy Thượng	500		500			
8	Đường vào khu vui chơi giải trí, xã Huy Thượng	xã Huy Thượng	4.800				4.800	
9	Hệ thống thủy lợi bản Khảo 1, xã Tường Hạ	xã Tường Hạ	1.000				1.000	
B	DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH	10	112.300	1.500	26.500	49.300	35.000	
I	NGHỊ QUYẾT SỐ 111/NQ-HĐND NGÀY 04/12/2014	4	12.500	1.500	10.000	1.000	-	
	HUYỆN MUỜNG LA							
1	Quy hoạch chi tiết công viên cây xanh hồ trung tâm gắn với di tích lịch sử danh lam thắng cảnh Đồn Pom Pát, thị trấn Ít Ong	TT Ít Ong	10.000		10.000			
	HUYỆN YÊN CHÂU							
2	NVH bản Nóng Khéo (xã Sập Vạt)	xã Sập Vạt	500			500		
3	NVH bản Cổ Nông (xã Tú Nang)	xã Tú Nang	500			500		
4	Nhà văn hóa bản Kéo Đồn, xã Chiềng On	xã Chiềng On	1.500	1.500				
II	NGHỊ QUYẾT SỐ 126/NQ-HĐND NGÀY 8/7/2015	5	99.300	-	16.000	48.300	35.000	
	HUYỆN THUẬN CHÂU							
1	Quy hoạch trung tâm cụm xã Tông Cọ	Xã Tông Cọ	47.700			47.700		
2	Công trình Nhà văn hóa bản Muông	Xã Chiềng Pha	1.500		1.500			
3	Nhà văn hóa bản Trọ	Xã Chiềng Pha	600			600		

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (m2)	Trong đó				Ghi chú
				Đất rừng phòng hộ	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa còn lại	Đất khác còn lại	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
4	Chợ xã Tường Phù	Xã Tường Phù	9.500		9.500			
5	Khu vui chơi, giải trí xã Huy Thượng	Xã Huy Thượng	40.000		5.000		35.000	
III	NGHỊ QUYẾT SỐ 137/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2015	1	500	-	500	-	-	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
1	Mở rộng đường từ bản Chằm đến trường mầm non trung tâm xã Huy Thượng	Xã Huy Thượng	500		500			



Biểu số 02

DANH MỤC HUY BỎ VIỆC THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH CHƯA ĐỦ 03 NĂM NHƯNG CHỦ ĐẦU TƯ KHÔNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC NGUỒN VỐN ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (m ²)	Trong đó				Ghi chú
				Đất rừng phòng hộ	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa còn lại	Đất khác còn lại	
A	DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT	30	344.449	37.500	150.788	200	155.961	
I	NGHỊ QUYẾT SỐ 33/NQ-HĐND NGÀY 14/12/2016	18	104.900	6.500	12.000	200	86.200	
	HUYỆN THUẬN CHÂU							
1	Công trình NSH liên xã Tông Cọ + Noong Lay	Xã: Tông Cọ, Nong Lay	4.000				4.000	
2	Sắp xếp dân cư cho 34 hộ dân thuộc các bản Hình, Có B, Phé ABC, Thúm, xã Tông Cọ	Xã Tông Cọ	42.000		10.000		32.000	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
3	Mở rộng trường mầm non xã	Mường Thái	700		700			
4	Nhà văn hóa các bản: Suối Ó, Búc, Chiềng Trung xã Quang Huy	xã Quang Huy	2.100		800		1.300	
5	Xây dựng bia tưởng niệm anh hùng liệt sỹ xã Huy Hạ	xã Huy Hạ	100				100	
6	Xây dựng tượng đài tưởng niệm xã Huy Bắc	xã Huy Bắc	100				100	
7	Nhà văn hóa bản Vàng B, xã Đá Đỏ	xã Đá Đỏ	500				500	
8	Nhà văn hóa bản Xanh Vàng, xã Tường Phong	xã Tường Phong	500				500	
	HUYỆN YÊN CHÂU							
9	Nâng cấp, mở rộng đường trung tâm xã đến bản Pa Kha III xã Chiềng Tương	xã Chiềng Tương	27.100	6.500			20.600	
10	Nâng cấp, mở rộng đường 103 - Bó Mon - Cô Tông, xã Tú Nang	xã Tú Nang	21.500				21.500	
11	Nhà văn hóa bản Mo (mới tách bản)	Xã Chiềng Sàng	500		500			
12	Nhà văn hóa bản Mỏ Than	xã Lóng Phiêng	300				300	
13	Nhà văn hóa bản Kim Chung II	xã Phiêng Khoài	400				400	
14	Nhà văn hóa Pa Hốc xã Chiềng Hắc	xã Chiềng Hắc	400				400	
15	Nhà văn hóa bản Keo Đồn xã Chiềng On	xã Chiềng On	500				500	
16	Nhà văn hóa bản Nóng Khéo xã Sập Vạt	xã Sập Vạt	500				500	

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (m2)	Trong đó				Ghi chú
				Đất rừng phòng hộ	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa còn lại	Đất khác còn lại	
17	Mở rộng trường tiểu học xã Chiềng Sàng để (để đạt trường chuẩn OG)	xã Chiềng Sàng	2.000				2.000	
18	Hệ thống kênh mương bản Đào	xã Mường Lựm	1.700			200	1.500	
II	NGHỊ QUYẾT 73/NQ-HĐND NGÀY 08/12/2017	12	239.549	31.000	138.788	-	69.761	
	HUYỆN MUỜNG LA							
1	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Tảng Khê, xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	22.500				22.500	
2	Trạm bảo vệ thực vật	TT Ít Ong	1.500				1.500	
3	Trạm thú y	TT Ít Ong	1.500				1.500	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
4	Mở rộng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường Bang	xã Mường Bang	1.630				1.630	
5	Dự án phát triển quỹ đất, tạo nguồn thu từ quỹ đất của trại giống lúa Phù Yên	Xã Huy Bắc	63.200		58.200		5.000	
	HUYỆN THUẬN CHÂU							
6	Khu đô thị an phú	Xã Chiềng Ly, TT Thuận Châu	97.549		80.588		16.961	
7	Di tích lịch sử Cầu Nà Hay	Xã Thôm Mòn	2.200				2.200	
8	Di tích lịch sử căn cứ du kích Long Hẹ	Xã Long Hẹ	31.000	31.000				
9	Dự án thực hiện cải tạo cảnh quan đô thị thị trấn Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	5.000				5.000	
	HUYỆN SÔNG MÃ							
10	Khu dân cư mới xã Chiềng Phung (Đầu giá khu đất Trụ sở xã Chiềng Phung cũ)	Xã Chiềng Phung	3.400				3.400	
11	Khu dân cư mới xã Mường Cai (Đầu giá khu đất Trụ sở xã Mường Cai cũ)	Xã Mường Cai	9.500				9.500	
	HUYỆN MAI SƠN							
12	Thu hồi đất Khu vườn ươm thuộc BQL Bảo vệ và Phát triển rừng quản lý	TK 8, TT Hát Lót	570				570	
B	DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH	19	519.022	37.500	183.022	8.863	286.637	
I	NGHỊ QUYẾT SỐ 32/NQ-HĐND NGÀY 14/12/2016	9	54.000	6.500	12.000	200	33.300	
	HUYỆN THUẬN CHÂU							
1	Sắp xếp dân cư cho 34 hộ dân thuộc các bản Hinh, Có B, Phé ABC, Thúm, xã Tông Cọ	Xã Tông Cọ	42.000		10.000		32.000	

STT		Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (m2)	Trong đó				Ghi chú
				Đất rừng phòng hộ	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa còn lại	Đất khác còn lại	
2	Xây dựng Nhà trực hành điện Xã Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu						Biểu 4 tại Nghị quyết (không có diện tích)
	HUYỆN PHÙ YÊN							
3	Mở rộng trường mầm non xã Mường Thái	Xã Mường Thái	700		700			
4	Nhà văn hóa các bản: Suối Ó, Búc, Chiềng Trung xã Quang Huy	Xã Quang Huy	2.100		800		1.300	
	HUYỆN YÊN CHÂU							
5	Nâng cấp, mở rộng đường trung tâm xã đến bản Pa Kha III xã Chiềng Tương	xã Chiềng Tương	6.500	6.500				
6	Nhà văn hóa bản Mo (mới tách bản)	Xã Chiềng Sàng	500		500			
7	Hệ thống kênh mương bản Đào	xã Mường Lựm	200			200		
8	Nâng cấp, mở rộng đường Trạm BP Keo Muông - Hang Cẩn, Xã Phiềng Khoài	Xã Phiềng Khoài						Biểu 4 tại Nghị quyết (không có diện tích)
	HUYỆN MUỜNG LA							
9	Bể bơi trung tâm thị trấn Ít Ong	TT Ít Ong	2.000					Biểu 4 tại Nghị quyết (không có diện tích)
II	NGHỊ QUYẾT 15/NQ-HĐND NGÀY 04/8/2016	2	235.434	-	5.434	-	230.000	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
1	Nâng cấp đường Suối Bau-Sập Xa, huyện Phù Yên	huyện Phù Yên	5.434		5.434			
	HUYỆN MAI SƠN							
2	Nghĩa trang nhân dân tỉnh Sơn La (giai đoạn 1)	Bản Nà Hạ, xã Chiềng Mung	230.000				230.000	
III	NGHỊ QUYẾT 72/NQ-HĐND NGÀY 14/12/2017	8	229.588	31.000	165.588	8.663	23.337	
	HUYỆN PHÙ YÊN							
1	Cây xăng xã Mường Bang	Xã Mường Bang	1.500		1.500			

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (m2)	Trong đó				Ghi chú
				Đất rừng phòng hộ	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa còn lại	Đất khác còn lại	
2	Dự án phát triển quỹ đất, tạo nguồn thu từ quỹ đất của trại giống lúa Phù Yên	Xã Huy Bắc	58.200		58.200			
3	Trung tâm tổ hợp dịch vụ thương mại Hoa Xuân - Phù Yên	xã Quang Huy	10.000		10.000			
4	Trung tâm tổ hợp thương mại dịch vụ và Chợ đầu mối nông sản	xã Huy Hạ	10.000		10.000			
	HUYỆN THUẬN CHÂU							
5	Di tích lịch sử căn cứ du kích Long Hẹ	Xã Long Hẹ	31.000	31.000				
6	Khu đô thị an phú	Xã Chiềng Ly, TT Thuận Châu	97.549		80.588		16.961	
	HUYỆN MAI SON							
7	chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở (28 hộ gia đình, cá nhân)	xã Chiềng Mung	8.963		2.300	4.663	2.000	
8	chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở (43 hộ gia đình, cá nhân)	Xã Hát Lót	12.376		3.000	4.000	4.376	